

Số: 9/2025/CTS-BC

Bắc Ninh, ngày 8 tháng 09 năm 2025

## BÁO CÁO

Danh sách đối tượng đã được ký hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội tại Khu nhà M, K, L, P, Q, R, S, T Dự án nhà ở xã hội Cát Tường Smartcity

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh

- UBND xã Yên Trung, UBND xã Tam Đa

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Hướng dẫn số 06/HD-SXD ngày 20/8/2024 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Công ty cổ phần Cát Tường báo cáo Danh sách đối tượng đã được ký hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê với những nội dung chính như sau:

- Tổng số căn hộ thuộc dự án: 946 Căn hộ, trong đó:
  - Số căn hộ để bán: 946 Căn hộ;
  - Số căn hộ để cho thuê: 0 Căn hộ;
- Số hợp đồng đã ký của kỳ báo cáo trước: 311 Hợp đồng, trong đó:
  - Số hợp đồng bán căn hộ: 311 Hợp đồng;
  - Số hợp đồng cho thuê căn hộ: 0 Hợp đồng;

(Số hợp đồng đã ký của kỳ báo cáo trước tại báo cáo số 8/2025/CTS-BC ngày 18/08/2025).
- Số hợp đồng đã ký trong kỳ báo cáo này: 84 Hợp đồng, trong đó:
  - Số hợp đồng bán căn hộ: 84 Hợp đồng;
  - Số hợp đồng cho thuê căn hộ: 0 Hợp đồng;
  - Số hợp đồng bán căn hộ thanh lý: 01 Hợp đồng;
  - Số hợp đồng cho thuê căn hộ thanh lý: 0 Hợp đồng;
- Số hợp đồng đã ký lũy kế đến ngày báo cáo: 394 Hợp đồng, trong đó:
  - Số hợp đồng bán căn hộ: 394 Hợp đồng;

106  
- Số hợp đồng cho thuê căn hộ: 0 Hợp đồng;

5. Số căn hộ nhà ở xã hội còn tồn đến thời điểm báo cáo: 552 căn

Danh sách các đối tượng đã được ký hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội tại Dự án tính tại kỳ báo cáo này được gửi kèm theo báo cáo này (danh sách báo cáo theo mẫu số 06). ✓

\* Nơi nhận:

+ Như kính gửi;

+ Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT TƯỜNG

Phó Tổng giám đốc *ct*



TRỊNH THỊ THANH THỦY

| TT | Họ và Tên          | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                       | Thông tin căn hộ |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ    | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                                                                              | Ngày phê duyệt                                                                           |                |                                 |
|----|--------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                    | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố      | Thị trấn/xã      | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                       |               |                                                  |                                                                                          |                                                                                          | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 17 | Bùi Quyết Tiến     | 163047106        | 036090014829 | 16        | 5          | 1990     | 0975.793.262                   | Huyện Ý Yên           | Xã Yên Bình      | CTS-L-0809            | 70,00                 | Mua                                   | 4                | 7                 | 2025            | 0809/2025/HDMB-CTS-L  | 1.173.717.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Bùi Thị Hiền       | 174012121        | 038193021297 | 15        | 1          | 1993     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 18 | Nguyễn Hữu Trọng   | 125344236        | 027091011166 | 3         | 12         | 1991     | 0394.091.209                   | Thị xã Thuận Thành    | Xã Mão Điền      | CTS-L-0902            | 69,50                 | Mua                                   | 15               | 7                 | 2025            | 0902/2025/HDMB-CTS-L  | 1.165.333.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Mỹ      | 125344276        | 027191004238 | 10        | 10         | 1991     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức |                                                                                          |                |                                 |
| 19 | Lê Thanh Hương     | 001166000036     | 001166000036 | 4         | 6          | 1966     | 0857911022                     | Quận Thanh Xuân       | Phường Hạ Đình   | CTS-M1-0407           | 69,85                 | Mua                                   | 31               | 7                 | 2025            | 0407/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.195.052.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp                                            | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Vũ Văn Toàn        | 011173528        | 001064027767 | 1         | 1          | 1964     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 20 | Nguyễn Thị Hào     | 187680344        | 040197018581 | 7         | 7          | 1997     | 0384.668.802/03.83.534.283     | Huyện Quỳnh Lưu       | Xã Văn Hải       | CTS-M1-0511           | 71,59                 | Mua                                   | 26               | 7                 | 2025            | 0511/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.249.320.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Phan Ngọc Quân     | 163344582        | 036095016285 | 21        | 9          | 1995     |                                | Huyện Nam Trực        | Xã Huyện Quang   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 21 | Liên Thị Tới       | 085003377        | 004193006630 | 16        | 11         | 1993     | 0352.682.199                   | Huyện Quỳnh Phụ       | Thị trấn An Bài  | CTS-M1-0701           | 71,09                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0701/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Nguyễn Tiến Thành  | 060942058        | 015092004925 | 14        | 7          | 1992     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 22 | Nguyễn Thị Hào     | 125726587        | 027195000669 | 1         | 7          | 1995     | 0912.548.338                   | Thị xã Quế Võ         | Xã Đào Viên      | CTS-M1-0703           | 51,03                 | Mua                                   | 17               | 7                 | 2025            | 0703/2025/HDMB-CTS-M1 | 855.673.000   | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức                                                             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 23 | Phan Mạnh Hùng     | 026300002713     | 026300002713 | 7         | 10         | 1997     | 0981.111.098                   | Huyện Vĩnh Tường      | Xã Tuấn Chính    | CTS-M1-0706           | 71,59                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0706/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.249.284.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
|    | Đào Thị Thái       | 026097000483     | 026097000483 | 11        | 8          | 2000     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 24 | Nguyễn Tuấn Dương  | 125346273        | 027091013454 | 25        | 2          | 1991     | 0398.598.316                   | Huyện Yên Phong       | Xã Long Châu     | CTS-M1-0711           | 71,59                 | Mua                                   | 25               | 7                 | 2025            | 0711/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.249.320.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Hòa     | 125391274        | 027192012466 | 2         | 3          | 1992     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 25 | Nguyễn Đăng ký     | 150888093        | 034066001497 | 2         | 9          | 1966     | 0338.081.504                   | Huyện Tiền Hải        | Xã Đông Quang    | CTS-M1-0901           | 71,09                 | Mua                                   | 10               | 7                 | 2025            | 0901/2025/HDMB-CTS-M1 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
|    | Trần Thị Nhũ       | 150932788        | 034171009557 | 7         | 1          | 1971     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 26 | Lê Thị Hải Vân     | 131531630        | 025184008458 | 9         | 5          | 1984     | 0974.232.283                   | Quận Cầu Giấy         | Phường Trung Hòa | CTS-M2-0201           | 71,09                 | Mua                                   | 16               | 7                 | 2025            | 0201/2025/HDMB-CTS-M2 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 27 | Trần Văn Thanh     | 090813057        | 019085008645 | 10        | 4          | 1985     | 0971.619.007/08.46.353.678     | Thành phố Thái Nguyên | Phường Phú Xá    | CTS-M2-0301           | 71,09                 | Mua                                   | 31               | 7                 | 2025            | 0301/2025/HDMB-CTS-M2 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Hà Bích Thương     | 080428701        | 004188008152 | 29        | 1          | 1988     |                                | Huyện Bảo Lạc         | Thị trấn Bảo Lạc |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 28 | Đặng Thị Thu Hương | 181770486        | 042172013505 | 22        | 12         | 1972     | 0869.335.398                   | Huyện Thanh Chương    | Thị trấn Dũng    | CTS-M2-0401           | 71,09                 | Mua                                   | 28               | 7                 | 2025            | 0401/2025/HDMB-CTS-M2 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức                                                             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Vũ Trung Khánh     | 182088020        | 040066020845 | 30        | 12         | 1966     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 29 | Trần Thị Lan       | 017303589        | 001184037560 | 17        | 8          | 1984     | 0373.972.282                   | Huyện Phú Xuyên       | Xã Phú Túc       | CTS-M2-0410           | 69,85                 | Mua                                   | 4                | 7                 | 2025            | 0410/2025/HDMB-CTS-M2 | 1.195.052.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 30 | Nguyễn Xuân Dũng   | 112121717        | 033060008245 | 30        | 10         | 1986     | 0969.094.313                   | Huyện Thường Tín      | Xã Hòa Bình      | CTS-M2-0506           | 71,59                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0506/2025/HDMB-CTS-M2 | 1.249.284.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Vũ Thị Quyên       | 112496543        | 001190016118 | 26        | 3          | 1990     |                                |                       |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Cán bộ, công chức, viên chức                                                             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức |                |                                 |

| TT | Họ và Tên             | Thông tin cơ bản |               |           |            |          |                                |                    | Thông tin căn hộ    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ    | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                                                              | Ngày phê duyệt                                                                                                                |                |                                 |
|----|-----------------------|------------------|---------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|---------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                       | Số CMND          | Số CCCD       | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố   | Thị trấn/xã         | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                       |               |                                                  |                                                                          |                                                                                                                               | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 31 | Nguyễn Đức Tiến       | 145547412        | 033093002258  | 22        | 12         | 1993     | 0842.555.333                   | Huyện Ân Thi       | Thị trấn Ân Thi     | CTS-M2-0802           | 69,41                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0802/2025/HĐMB-CTS-M2 | 1.187.524.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 32 | Hà Thị Thu            | 135561489        | 026190017145  | 1         | 9          | 1990     | 0378.451.032                   | Huyện Lập Thạch    | Xã Bắc Bình         | CTS-P-0206            | 69,00                 | Mua                                   | 31               | 7                 | 2025            | 0206/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Trương Văn Tâm        | 135344020        | 026080003876  | 16        | 7          | 1980     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 33 | Phạm Thị Thu Huyền    | 012710769        | 001189013049  | 31        | 10         | 1989     | 0989.380.515                   | Quận Cầu Giấy      | Phường Yên Hòa      | CTS-P-0301            | 68,50                 | Mua                                   | 5                | 7                 | 2025            | 0301/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
|    | Trần Đức Phương       | 012859178        | 001088019102  | 17        | 3          | 1988     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 34 | Cao Thanh Tùng        | 135091024        | 026084000659  | 1         | 3          | 1984     | 0974.076.668/0912.264.477      | Thành phố Vinh Yên | Phường Đồng Đa      | CTS-P-0304            | 69,40                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0304/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 35 | Phạm Hương Ly         | 135033802        | 026184002127  | 14        | 12         | 1984     | 0912.264.477                   | Thành phố Vinh Yên | Phường Đồng Đa      | CTS-P-0305            | 68,50                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0305/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Trần Mạnh Hà          | 135270557        | 026084013221  | 9         | 3          | 1984     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 36 | Nguyễn Thế Hoàn       | 120851732        | 024065001978  | 8         | 8          | 1965     | 0974.429.783                   | Huyện Hiệp Hòa     | Xã Hương Lâm        | CTS-P-0505            | 68,50                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0505/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Bích       | 120851719        | 024165002034  | 18        | 7          | 1965     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                                                                   |                |                                 |
| 37 | Nguyễn Thị Kiều Chinh | 125676525        | 027197005099  | 29        | 10         | 1997     | 0983.764.197                   | Huyện Yên Phong    | Xã Thụy Hòa         | CTS-P-0506            | 69,00                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0506/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.180.088.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức                                             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức                                      | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Ngô Xuân Phương       | 125492246        | 027094006634  | 20        | 7          | 1994     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                                                                   |                |                                 |
| 38 | Trần Văn Thành        | 125281521        | 027089007287  | 23        | 9          | 1989     | 0968.960.126                   | Huyện Yên Phong    | Xã Yên Phú          | CTS-P-0602            | 69,40                 | Mua                                   | 12               | 7                 | 2025            | 0602/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Vũ Thị Kim Hằng       | 013018256        | 001191015139  | 28        | 10         | 1991     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                                                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                                                                   |                |                                 |
| 39 | Nguyễn Văn Tuấn       | 121084746        | 024072014482  | 10        | 11         | 1972     | 0985.150.281                   | Huyện Lạc Nam      | Xã Bảo Đài          | CTS-P-0608            | 69,90                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0608/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Đỗ Thị Hoàn           | 121606029        | 024173009050  | 18        | 2          | 1973     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 40 | Nguyễn Hữu Sơn        | 012312210        | 0010709010434 | 30        | 5          | 1979     | 0906.106.050                   | Quận Long Biên     | Phường Thượng Thanh | CTS-P-0609            | 69,90                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0609/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Hoài Lam   | 012233596        | 001183014854  | 7         | 2          | 1983     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 41 | Hoàng Thị Hà          | 135181758        | 026176008883  | 8         | 4          | 1976     | 0987.834.582                   | Thành phố Phúc Yên | Xã Cao Minh         | CTS-P-0610            | 69,90                 | Mua                                   | 25               | 7                 | 2025            | 0610/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 42 | La Thụy Linh          | 012823717        | 001189030529  | 11        | 3          | 1989     | 0388.109.989                   | Quận Long Biên     | Phường Đức Giang    | CTS-P-0709            | 69,90                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0709/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 43 | Lê Thị Hà             | 012265075        | 038183013671  | 26        | 9          | 1983     | 0388.901.398                   | Quận Ba Đình       | Phường Ngọc Hà      | CTS-P-0710            | 69,90                 | Mua                                   | 25               | 7                 | 2025            | 0710/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Nguyễn Đức Tiến       | 011529891        | 001070046372  | 21        | 6          | 1970     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |
| 44 | Nguyễn Thị Dạ Thảo    | 162910022        | 036190007174  | 26        | 6          | 1990     | 0945.721.726                   | Huyện Thanh Oai    | Xã Cự Khê           | CTS-P-0805            | 68,50                 | Mua                                   | 7                | 7                 | 2025            | 0805/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 45 | Hoàng Đức Đan         | 142277780        | 030088002919  | 5         | 6          | 1988     | 0925.298.333/0352.399.031      | Huyện Gia Lộc      | Xã Phạm Trán        | CTS-Q-0310            | 69,90                 | Mua                                   | 23               | 7                 | 2025            | 0310/2025/HĐMB-CTS-Q  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Vũ Thị Bình           | 142945859        | 030192002228  | 4         | 9          | 1992     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                              |                |                                 |

| TT | Họ và Tên            | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                    | Thông tin căn hộ    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                   |                |                                 |
|----|----------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                      | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố   | Thị trấn/xã         | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                  | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 46 | Dương Văn Chí        | 125280405        | 027089000810 | 27        | 11         | 1989     | 0962.765.758                   | Thị xã Thuận Thành | Phường Trí Quả      | CTS-Q-0403            | 51,00                 | Mua                                   | 17               | 7                 | 2025            | 0403/2025/HDMB-CTS-Q | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Trần Thị Lan         | 125527146        | 027194000655 | 18        | 1          | 1994     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 47 | Vũ Văn Tỳ            | 162773674        | 036083014988 | 19        | 3          | 1983     | 0986.538.289                   | Thành phố Uông Bí  | Phường Quang Trung  | CTS-Q-0503            | 51,00                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0503/2025/HDMB-CTS-Q | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Trịnh Thị Ngươn      | 163141851        | 036187018357 | 6         | 7          | 1987     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 48 | Nguyễn Thị Minh      | 151064695        | 034173001318 | 3         | 12         | 1973     | 0374.504.442                   | Huyện Đông Hưng    | Xã Minh Tân         | CTS-Q-0506            | 69,00                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0506/2025/HDMB-CTS-Q | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 49 | Mac Đình Chiến       | 030201008230     | 030201008230 | 12        | 7          | 2001     | 0973.031.037                   | Huyện Thanh Hà     | Xã Cẩm Việt         | CTS-Q-0508            | 69,90                 | Mua                                   | 8                | 7                 | 2025            | 0508/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 50 | Nguyễn An Phương     | 125966884        | 027304003206 | 1         | 4          | 2004     | 0866.947.216                   | Thành phố Bắc Ninh | Phường Thị Cầu      | CTS-Q-0601            | 68,50                 | Mua                                   | 26               | 7                 | 2025            | 0601/2025/HDMB-CTS-Q | 1.171.537.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 51 | Nguyễn Văn Chương    | 142811422        | 030096004951 | 24        | 2          | 1996     | 0968.197.856                   | Huyện Nam Sách     | Xã Hiệp Cát         | CTS-Q-0602            | 69,40                 | Mua                                   | 2                | 7                 | 2025            | 0602/2025/HDMB-CTS-Q | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Ngô Thị Văn Giang    | 187556664        | 040196020968 | 27        | 6          | 1996     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 52 | Tổng Trần Tuấn Anh   | 001206076550     | 001206076550 | 6         | 9          | 2006     | 0986.826.006                   | Huyện Gia Lâm      | Xã Thiêm Đức        | CTS-Q-0605            | 68,50                 | Mua                                   | 17               | 7                 | 2025            | 0605/2025/HDMB-CTS-Q | 1.171.537.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 53 | Đặng Thị Kim Hoa     | 011109766        | 001164014911 | 16        | 11         | 1964     | 0904.538.998/09.83.039.599     | Quận Thanh Xuân    | Phường Thượng Đình  | CTS-Q-0706            | 69,00                 | Mua                                   | 4                | 7                 | 2025            | 0706/2025/HDMB-CTS-Q | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 54 | Nguyễn Đình Đức      | 142708441        | 030095008987 | 7         | 7          | 1995     | 0972.919.913                   | Huyện Hoàng Hoa    | Xã Hoàng Phư        | CTS-Q-0707            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0707/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Trương Thị Thu       | 174550543        | 038195006499 | 19        | 1          | 1995     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 55 | Nguy Như Ngọc Huệ    | 071054336        | 040091000452 | 20        | 12         | 1997     | 0869.810.888                   | Quận Long Biên     | Phường Phúc Lợi     | CTS-Q-0708            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0708/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Nguyễn Tuấn Anh      | 186900819        | 008197000086 | 14        | 8          | 1991     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 56 | Đoàn Khắc Trung      | 011763290        | 001074032723 | 14        | 3          | 1974     | 0971.234.183.03<br>79.112.880  | Quận Hai Bà Trưng  | Phường Vĩnh Tuy     | CTS-Q-0803            | 51,00                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0803/2025/HDMB-CTS-Q | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Đặng Thị Hồng Vân    | 012094003        | 001181012059 | 2         | 8          | 1981     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 57 | Nguyễn Thị Chi       | 112003204        | 001186040009 | 25        | 10         | 1986     | 0981.446.903                   | Huyện Phú Xuyên    | Xã Nam Phong        | CTS-Q-0805            | 68,50                 | Mua                                   | 7                | 7                 | 2025            | 0805/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Phạm Ngọc Hà         | 112003071        | 001086040687 | 18        | 12         | 1986     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 58 | Vũ Hoàng Dũng        | 027206003695     | 027206003695 | 15        | 7          | 2006     | 0858.848.126                   | Thành phố Bắc Ninh | Phường Thị Cầu      | CTS-Q-0806            | 69,00                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0806/2025/HDMB-CTS-Q | 1.180.088.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 59 | Ngô Thị Hoàn         | 140560722        | 030163000670 | 26        | 3          | 1963     | 0973.008.520                   | Huyện Ninh Giang   | Thị trấn Ninh Giang | CTS-Q-0807            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0807/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
| 60 | Hà Văn Thành         | 113165173        | 017083008331 | 21        | 7          | 1983     | 0888.605.006                   | Thành phố Hòa Bình | Phường Hữu Nghị     | CTS-Q-0808            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0808/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
| 61 | Bùi Văn Hải          | 112518051        | 001091045451 | 25        | 3          | 1991     | 0969.884.83/87.651.216         | Huyện Ứng Hòa      | Xã Cao Sơn Tiến     | CTS-Q-0811            | 69,00                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0811/2025/HDMB-CTS-Q | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Phạm Thủy Quỳnh      | 013412356        | 001195031387 | 29        | 11         | 1995     |                                | Quận Hai Bà Trưng  | Phường Vĩnh Tuy     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 62 | Nguyễn Thị Hà Phương | 013621626        | 001199029447 | 9         | 11         | 1999     | 0983.354.599                   | Huyện Thanh Trì    | Xã Ngọc Hồi         | CTS-Q-0901            | 68,50                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0901/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |

| TT | Họ và Tên              | Thông tin cơ bản |              |           |            |          |                                |                    | Thông tin căn hộ   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                           |                |                                 |
|----|------------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                        | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố   | Thị trấn/xã        | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thấu mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                          | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 63 | Trần Ánh Tuyết         | 012058802        | 001178012215 | 12        | 11         | 1978     | 0978.267.813                   | Huyện Thanh Trì    | Xã Ngọc Hồi        | CTS-Q-0905            | 68,50                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0905/2025/HDMB-CTS-Q | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và cán bộ, công chức, viên chức | 1447/SXD-N&BDS | 2/6/2025                        |
| 64 | Trịnh Thị Ánh          | 038301014252     | 038301014252 | 15        | 8          | 2001     | 0812.161.363/03.99.437.089     | Huyện Như Thanh    | Xã Xuân Du         | CTS-Q-0911            | 69,00                 | Mua                                   | 10               | 7                 | 2025            | 0911/2025/HDMB-CTS-Q | 1.180.088.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 65 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 060810653        | 015190000109 | 2         | 9          | 1990     | 0886.291.990                   | Huyện Trảng Yên    | Xã Bảo Đáp         | CTS-R-0201            | 68,50                 | Mua                                   | 26               | 7                 | 2025            | 0201/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 66 | Phan Thị Thơm          | 183681031        | 042191012633 | 10        | 4          | 1991     | 0358.682.808                   | Huyện Thạch Hà     | Xã Ích Hậu         | CTS-R-0203            | 51,00                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0203/2025/HDMB-CTS-R | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Bùi Trọng Toàn         | 183873280        | 042091017099 | 12        | 8          | 1991     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 67 | Lê Hồng Phương         | 017146183        | 001092034787 | 10        | 7          | 1992     | 0968.333.792                   | Huyện Phúc Thi     | Xã Võng Xuyên      | CTS-R-0301            | 68,50                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0301/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Dương Thị Phương       | 017111455        | 001192031121 | 21        | 4          | 1992     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 68 | Nguyễn Văn Phúc        | 164494045        | 037067000533 | 13        | 8          | 1967     | 0372.768.779                   | Huyện Yên Khánh    | Xã Khánh Nhạc      | CTS-R-0302            | 69,40                 | Mua                                   | 19               | 7                 | 2025            | 0302/2025/HĐMB-CTS-R | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Hoàng Thị Thon         | 164357012        | 037175001289 | 15        | 6          | 1975     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 69 | Bùi Thị Sinh           | 121476831        | 024183022725 | 29        | 9          | 1983     | 0986.677.198                   | Huyện Lạng Giang   | Xã Tân Đình        | CTS-R-0308            | 69,90                 | Mua                                   | 5                | 7                 | 2025            | 0308/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 70 | Nguyễn Thị Phương Anh  | 125785910        | 027198000999 | 3         | 10         | 1998     | 0332.123.636                   | Huyện Tiên Du      | Xã Đại Đồng        | CTS-R-0406            | 69,00                 | Mua                                   | 30               | 7                 | 2025            | 0406/2025/HĐMB-CTS-R | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 71 | Lê Thị Thu Hằng        | 162967739        | 036190028995 | 7         | 4          | 1990     | 0372.717.881                   | Quận Bắc Từ Liêm   | Phường Cổ Nhuế 2   | CTS-R-0407            | 69,90                 | Mua                                   | 28               | 7                 | 2025            | 0407/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 72 | Nguyễn Văn Luyện       | 125462939        | 027093004578 | 29        | 5          | 1993     | 0982.471.318                   | Thành phố Từ Sơn   | Phường Châu Khê    | CTS-R-0411            | 69,00                 | Mua                                   | 23               | 7                 | 2025            | 0411/2025/HĐMB-CTS-R | 1.131.922.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Nguyễn Thị Hòp         | 122103341        | 024194016889 | 13        | 8          | 1994     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 73 | Trần Thành             | 012105863        | 001080023543 | 6         | 9          | 1980     | 0915.691.980                   | Quận Hai Bà Trưng  | Phường Bách Khoa   | CTS-R-0509            | 69,90                 | Mua                                   | 31               | 7                 | 2025            | 0509/2025/HĐMB-CTS-R | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Phạm Thủy Diệp         | 012010612        | 001179010589 | 15        | 3          | 1979     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 74 | Đặng Công Trọng        | 125632052        | 027094013700 | 2         | 7          | 1994     | 0947.271.994                   | Huyện Tiên Du      | Xã Tri Phương      | CTS-R-0602            | 69,40                 | Mua                                   | 30               | 7                 | 2025            | 0602/2025/HĐMB-CTS-R | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 125894115        | 027302000246 | 3         | 5          | 2002     |                                | Huyện Tiên Du      | Xã Đại Đồng        |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                                 |                |                                 |
| 75 | Nguyễn Thị Hằng        | 145545584        | 033194000100 | 14        | 11         | 1994     | 0922.958.555                   | Huyện Phù Cù       | Xã Nhật Quang      | CTS-R-0609            | 69,90                 | Mua                                   | 10               | 7                 | 2025            | 0609/2025/HĐMB-CTS-R | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 76 | Trần Văn Long          | 168506295        | 035094000495 | 15        | 2          | 1994     | 0365.855.155                   | Huyện Lý Nhân      | Thị trấn Vĩnh Trụ  | CTS-R-0610            | 69,90                 | Mua                                   | 2                | 7                 | 2025            | 0610/2025/HĐMB-CTS-R | 1.124.202.000 | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Trần Thị Thủy Nga      | 035302003251     | 035302003251 | 17        | 11         | 2002     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 77 | Nguyễn Thị Thu Hằng    | 082393777        | 027181007917 | 5         | 10         | 1981     | 0868.060.669                   | Thành Phố Lạng Sơn | Phường Chi Lăng    | CTS-R-0702            | 69,40                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0702/2025/HĐMB-CTS-R | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và cán bộ, công chức, viên chức | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 78 | Trần Văn Quang         | 185979931        | 040090035258 | 16        | 6          | 1990     | 0972.168.042                   | Thị Xã Quế Võ      | Phường Phương Liễu | CTS-R-0706            | 69,00                 | Mua                                   | 25               | 7                 | 2025            | 0706/2025/HĐMB-CTS-R | 1.180.088.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Trần Thị Hoa Quỳnh     | 187650385        | 040198009143 | 20        | 7          | 1998     |                                |                    |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 79 | Nguyễn Thị Mỹ Hằng     | 082381388        | 020301001464 | 16        | 4          | 2001     | 0369.281.384                   | Thành phố Bắc Ninh | Phường Võ Cường    | CTS-R-0804            | 69,40                 | Mua                                   | 26               | 7                 | 2025            | 0804/2025/HĐMB-CTS-R | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |

| TT | Họ và Tên          | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                       | Thông tin căn hộ   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                           |                |                                 |
|----|--------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                    | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố      | Thị trấn/xã        | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thấu mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                          | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 80 | Trần Thị Huyền     | 121269453        | 024180010939 | 4         | 8          | 1980     | 0978.951.190                   | Huyện Lạng Giang      | Xã Hương Lạc       | CTS-R-0811            | 69,00                 | Mua                                   | 4                | 7                 | 2025            | 0811/2025/HDMB-CTS-R | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
|    | Hoàng Văn Cứ       | 121144862        | 024075015841 | 22        | 12         | 1975     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 81 | Phạm Thị Hương     | 100709733        | 022167005577 | 1         | 2          | 1967     | 0374.687.012                   | Thị xã phố Đông Triều | Phường Yên Thọ     | CTS-R-0910            | 69,90                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0910/2025/HDMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Trần Văn Luân      | 100547479        | 022067000375 | 7         | 1          | 1967     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 82 | Phạm Văn Vỹ        | 027205010671     | 027205010671 | 20        | 3          | 2005     | 0867.144.256                   | Huyện Lương Tài       | Xã Trung Khê       | CTS-S-3408            | 71,60                 | Mua                                   | 24               | 7                 | 2025            | 0408/2025/HDMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 83 | Trần Thị Khuyên    | 121657295        | 024182009814 | 1         | 8          | 1982     | 0393.659.250                   | Huyện Lạng Giang      | Xã Xương Lâm       | CTS-S-0505            | 69,40                 | Mua                                   | 28               | 7                 | 2025            | 0905/2025/HDMB-CTS-S | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Hoàng Anh          | 121386859        | 024080015870 | 1         | 3          | 1980     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 84 | Trần Thị Ánh       | 121657104        | 024188014580 | 1         | 12         | 1998     | 0973.295.198                   | Huyện Lạng Giang      | Xã Tân Hưng        | CTS-S-0906            | 69,40                 | Mua                                   | 28               | 7                 | 2025            | 0906/2025/HDMB-CTS-S | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
|    | Lê Văn Cường       | 121476888        | 024083022154 | 30        | 9          | 1983     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 85 | Đào Thị Quyên      | 125782797        | 027196009769 | 12        | 11         | 1996     | 0966.381.996                   | Lương Tài             | Thị trấn Thiha     | CTS-T-0201            | 68,50                 | Mua                                   | 15               | 7                 | 2025            | 0201/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS   | 8/7/2025                        |
|    | Nguyễn Phương Đông | 125744658        | 027096006765 | 14        | 2          | 1996     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 86 | Nguyễn Thị Nhung   | 132249090        | 025195002416 | 9         | 3          | 1995     | 0782.476.752                   | Huyện Cẩm Khê         | Xã Phú Khê         | CTS-T-0307            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 7                 | 2025            | 0307/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 87 | Tổng Công Tiếp     | 168158254        | 035086009778 | 1         | 10         | 1986     | 0977.528.222                   | Huyện Bình Lục        | Xã An Lão          | CTS-T-0310            | 69,90                 | Mua                                   | 12               | 7                 | 2025            | 0310/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS   | 8/7/2025                        |
|    | Dương Thị Huệ      | 121389918        | 025187014114 | 10        | 7          | 1987     |                                | Huyện Hà Hòa          | Xã Đại Phạm        |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 88 | Trần Quang Mạnh    | 125992973        | 024090010219 | 12        | 10         | 1990     | 0868.681.090                   | Thị xã phố Bắc Giang  | Phường Thọ Xương   | CTS-T-0505            | 68,50                 | Mua                                   | 23               | 7                 | 2025            | 0505/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS   | 8/7/2025                        |
| 89 | Hoàng Thị Tú       | 080929437        | 020160001530 | 5         | 7          | 1960     | 0386.755.974                   | Huyện Chí Lăng        | Xã Bằng Mạc        | CTS-T-0511            | 69,00                 | Mua                                   | 18               | 7                 | 2025            | 0511/2025/HDMB-CTS-T | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS   | 2/7/2025                        |
| 90 | Đỗ Thị Huệ         | 152001775        | 034194000356 | 4         | 7          | 1994     | 0984.808.779                   | Huyện Hưng Hòa        | Thị trấn Hưng Nhân | CTS-T-0802            | 69,40                 | Mua                                   | 4                | 7                 | 2025            | 0802/2025/HDMB-CTS-T | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 1572/SXD-N&BDS | 10/6/2025                       |
| 91 | Vương Thị Thơm     | 017260907        | 001194036872 | 25        | 8          | 1994     | 0961605331                     | Huyện Quốc Oai        | Xã Hòa Thạch       | CTS-T-0905            | 68,50                 | Mua                                   | 28               | 7                 | 2025            | 0905/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS   | 8/7/2025                        |
|    | Nguyễn Đăng Sáng   | 112502391        | 001089011101 | 27        | 12         | 1989     |                                |                       |                    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |

**Biểu BM 06-SXD: DANH SÁCH KHÁCH HÀNG ĐÃ KÝ HỢP ĐỒNG MUA, THUÊ CĂN HỘ TẠI DỰ ÁN  
DỰ ÁN: NHÀ Ở XÃ HỘI CÁT TƯỜNG SMART CITY**

| TT | Họ và Tên             | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                      | Thông tin căn hộ |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       | Quan hệ với chủ hộ | Nghề nghiệp | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                                                                      | Ngày phê duyệt |                                 |
|----|-----------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|----------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|--------------------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                       | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/Thành phố      | Thị trấn/xã      | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng | Số hợp đồng           |                    |             |                                                  |                                                                                  |                | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 1  | Vũ Thị Hợi            | 125550369        | 027195008252 | 13        | 3          | 1995     | 0936.672.845                   | Huyện Yên Phong      | Xã Đông Phong    | CTS-K-0312            | 70,00                 | Mua                                   | 27               | 8                 | 2025            | 0312/2025/HĐMB-CTS-K  | 1.197.670.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Đinh Văn Trung        | 125391191        | 027092009708 | 14        | 10         | 1992     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      |                |                                 |
| 2  | Đinh Thị Tú           | 013651924        | 038187051427 | 8         | 12         | 1987     | 0973.866.937                   | Huyện Gia Lâm        | Xã Đông Xá       | CTS-K-0408            | 70,00                 | Mua                                   | 1                | 8                 | 2025            | 0408/2025/HĐMB-CTS-K  | 1.197.670.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
| 3  | Đặng Hoài Nam         | 125940622        | 027200000661 | 17        | 10         | 2000     | 0366.062.376                   | Thành phố Bắc Ninh   | Phường Suối Hoa  | CTS-K-0611            | 70,00                 | Mua                                   | 12               | 8                 | 2025            | 0611/2025/HĐMB-CTS-K  | 1.185.694.000      | Chủ hộ      | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Vũ Thị Uyên           | 071059056        | 008198011429 | 10        | 6          | 1998     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      |                |                                 |
| 4  | Nguyễn Thị Thủy Dương | 101096557        | 022191004786 | 23        | 12         | 1991     | 0838.232.633                   | Thành phố Đông Triều | Phường Mao Khê   | CTS-K-0908            | 70,00                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0908/2025/HĐMB-CTS-K  | 1.125.810.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
| 5  | Nguyễn Thị Lan        | 013383588        | 001194014206 | 23        | 5          | 1994     | 0399.928.883                   | Huyện Mê Linh        | Xã Mê Linh       | CTS-K-0913            | 70,00                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0913/2025/HĐMB-CTS-K  | 1.197.191.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 06/SXD-N&BDS   | 02/07/2025                      |
| 6  | Trần Thị Yên          | 120853475        | 027168000400 | 13        | 4          | 1968     | 0987.657.746                   | Thành phố Bắc Ninh   | Phường Đáp Cầu   | CTS-L-0203            | 51,10                 | Mua                                   | 26               | 8                 | 2025            | 0203/2025/HĐMB-CTS-L  | 856.813.000        | Chủ hộ      | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Đào Xuân Tùng         | 120033828        | 027063014244 | 12        | 12         | 1963     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      |                |                                 |
| 7  | Trần Thị Lan Anh      | 168439524        | 035192004435 | 30        | 11         | 1992     | 0974.450.359                   | Huyện Yên Phong      | Xã Tam Giang     | CTS-L-0511            | 70,00                 | Mua                                   | 26               | 8                 | 2025            | 0511/2025/HĐMB-CTS-L  | 1.197.670.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Tuấn Anh       | 100964185        | 022088008063 | 10        | 8          | 1988     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 8  | Ngô Thị Chung         | 142252779        | 030169005150 | 8         | 4          | 1969     | 0399.795.369                   | Thành phố Hải Dương  | Phường Việt Hòa  | CTS-L-0607            | 71,50                 | Mua                                   | 22               | 8                 | 2025            | 0607/2025/HĐMB-CTS-L  | 1.247.800.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
|    | Bùi Văn Nết           | 370552679        | 030059004537 | 1         | 10         | 1959     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 9  | Nguyễn Bình Khiêm     | 125492665        | 027094000772 | 6         | 10         | 1994     | 0357.974.506                   | Huyện Yên Phong      | Xã Đông Thọ      | CTS-L-0805            | 69,50                 | Mua                                   | 27               | 8                 | 2025            | 0805/2025/HĐMB-CTS-L  | 1.117.768.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Phạm Thị Ngọc Lan     | 082222634        | 024194007954 | 14        | 3          | 1994     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |                |                                 |
| 10 | Ngô Thị Hằng          | 12580396         | 027194003361 | 25        | 1          | 1994     | 0981.305.159                   | Thành phố Từ Sơn     | Phường Hương Mạc | CTS-M1-0308           | 46,07                 | Mua                                   | 12               | 8                 | 2025            | 0308/2025/HĐMB-CTS-M1 | 788.272.000        | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
| 11 | Trương Duy Phong      | 145735405        | 033097006885 | 1         | 10         | 1997     | 0984.727.651                   | Huyện Khoái Châu     | Xã Liên Khê      | CTS-M1-0601           | 71,09                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0601/2025/HĐMB-CTS-M1 | 1.240.663.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Đỗ Phương Thảo        | 145734910        | 033197003074 | 23        | 10         | 1997     |                                |                      |                  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |                    | Vợ (Chồng)  | Lao động tự do                                   | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      |                |                                 |
| 12 | Đỗ Cao Thăng          | 164129189        | 037084004423 | 28        | 9          | 1984     | 0866.438.701                   | Huyện Yên Kinh       | Xã Kinh An       | CTS-M1-0911           | 71,50                 | Mua                                   | 7                | 8                 | 2025            | 0911/2025/HĐMB-CTS-M1 | 1.240.370.000      | Chủ hộ      | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp         | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |

| TT | Họ và Tên              | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                     | Thông tin căn hộ     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ    | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                   |              |                                 |
|----|------------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
|    |                        | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố    | Thị trấn/xã          | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thừa mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                       |               |                                                  |                                          |                                                                                  | Số hợp đồng  | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 12 | Bùi Thị Lan            | 164399827        | 037191005702 | 27        | 3          | 1991     | 0900.000.000                   | Huyện Yên Phong     | Xã Tam Đa            | CTS-M1-102B           | 69,20                 | Mua                                   | 8                | 8                 | 2025            | 102B/2025/HĐMB-CTS-M1 | 1.183.983.000 | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 13 | Nguyễn Thị Tuyết       | 125266783        | 027183008904 | 5         | 2          | 1983     | 0973.100.176                   | Huyện Yên Phong     | Xã Tam Đa            | CTS-M1-102B           | 69,20                 | Mua                                   | 8                | 8                 | 2025            | 102B/2025/HĐMB-CTS-M1 | 1.183.983.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 14 | Đặng Thị Hương         | 152024565        | 034194706483 | 26        | 2          | 1994     | 0965.528.162                   | Huyện Vũ Thư        | Xã Hiệp Hòa          | CTS-M2-030S           | 46,07                 | Mua                                   | 9                | 8                 | 2025            | 0308/2025/HĐMB-CTS-M2 | 788.272.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 15 | Vì Thị Nhét            | 122314746        | 024199011452 | 15        | 10         | 1999     | 0395.598.031                   | Thị Xã Chũ          | Phường Trù Hựu       | CTS-M2-0501           | 71,09                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 0501/2025/HĐMB-CTS-M2 | 1.240.663.000 | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 16 | Phạm Thị Hương         | 187112957        | 040194019692 | 14        | 10         | 1994     | 0968.794.222                   | Huyện Quốc Oai      | Xã Cộng Hòa          | CTS-M2-0503           | 51,03                 | Mua                                   | 8                | 8                 | 2025            | 0503/2025/HĐMB-CTS-M2 | 855.673.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Nguyễn Như Minh        | 017232688        | 001094005867 | 25        | 3          | 1994     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 17 | Trần Thị Hạnh          | 112193846        | 001189024923 | 18        | 7          | 1989     | 0988.386.673                   | Huyện Thường Tín    | Xã Tô Hiệu           | CTS-M2-104A           | 69,20                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 104A/2025/HĐMB-CTS-M2 | 1.183.983.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Văn Long        | 111852138        | 001086049258 | 2         | 6          | 1986     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 18 | Nguyễn Thanh Tuấn      | 162718516        | 036084023581 | 17        | 3          | 1984     | 0964.894.537                   | Huyện Nghĩa Hưng    | Xã Đồng Thái         | CTS-P-0203            | 51,00                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0203/2025/HĐMB-CTS-P  | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Phạm Thị Minh          | 186881367        | 04019001067  | 22        | 7          | 1990     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 19 | Nguyễn Thị Thắm        | 001178009839     | 001178009839 | 23        | 12         | 1978     | 0971.234.183                   | Huyện Sóc Sơn       | Xã Việt Long         | CTS-P-0308            | 69,90                 | Mua                                   | 15               | 8                 | 2025            | 0308/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Nguyễn Văn Hòa         | 001076023648     | 001076023648 | 20        | 9          | 1976     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 20 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 011825534        | 001176010164 | 1         | 5          | 1976     | 0901.791.576                   | Quận Hoàng Mai      | Phường Hoàng Văn Thụ | CTS-P-0310            | 69,90                 | Mua                                   | 29               | 8                 | 2025            | 0310/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 21 | Lê Thị Nguyệt          | 121899794        | 024199018029 | 11        | 4          | 1990     | 0973.788.596                   | Huyện Việt Yên      | Xã Minh Đức          | CTS-P-0406            | 69,00                 | Mua                                   | 26               | 8                 | 2025            | 0406/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Thần Hoàng Tùng        | 121667200        | 024086015218 | 20        | 7          | 1986     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      |              |                                 |
| 22 | Phạm Thị Thảo          | 125845452        | 027300002132 | 28        | 10         | 2000     | 0327.717.880                   | Huyện Tiên Du       | Xã Việt Đoàn         | CTS-P-0410            | 69,90                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0410/2025/HĐMB-CTS-P  | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Đức Hào         | 125800364        | 027098001938 | 9         | 9          | 1998     |                                |                     |                      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                       |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 23 | Phạm Lê Quốc Cường     | 038200001154     | 038200001154 | 4         | 5          | 2000     | 0987.893.630                   | Thành phố Thanh Hóa | Phường Đồng Thọ      | CTS-P-0503            | 51,00                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0503/2025/HĐMB-CTS-P  | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
| 24 | Lê Thị Kim Oanh        | 125034842        | 027172002042 | 7         | 5          | 1972     | 0967.067.058                   | Thành phố Từ Sơn    | Phường Dân An        | CTS-P-0603            | 51,00                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 0603/2025/HĐMB-CTS-P  | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                      | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |

| TT | Họ và Tên              | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                       | Thông tin căn hộ    |                       |                       |                                      |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                           |              |                                 |
|----|------------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
|    |                        | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố      | Thị trấn/xã         | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Tạm mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                          | Số hợp đồng  | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 24 | Cao Xuân Phần          | 125438928        | 027060002146 | 20        | 7          | 1960     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              |              |                                 |
| 25 | Thang Tuấn Vinh        | 027205000016     | 027205000016 | 29        | 4          | 2005     | 0989.994.042                   | Quận Nam Từ Liêm      | Phường Cầu Diễn     | CTS-P-0604            | 69,40                 | Mua                                  | 20               | 8                 | 2025            | 0604/2025/HĐMB-CTS-P | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 26 | Trần Việt Hoàng        | 024203000007     | 024203000007 | 21        | 5          | 2003     | 0989.115.812                   | Quận Thanh Xuân       | Phường Khương Mai   | CTS-P-0704            | 69,40                 | Mua                                  | 13               | 8                 | 2025            | 0704/2025/HĐMB-CTS-P | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
| 27 | Trần Tuấn Anh          | 168559385        | 035096002237 | 24        | 8          | 1996     | 0346.183.048                   | Huyện Lý Nhân         | Xã Tiến Thắng       | CTS-P-0705            | 68,50                 | Mua                                  | 28               | 8                 | 2025            | 0705/2025/HĐMB-CTS-P | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Thị Huyền Trang | 168532442        | 035196001272 | 26        | 11         | 1996     |                                | Huyện Lý Nhân         | Xã Hòa Hậu          |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              |              |                                 |
| 28 | Nguyễn Thị Mai Phương  | 001300027667     | 001300027667 | 22        | 9          | 2000     | 0925.862.000                   | Huyện Yên Phong       | Xã Tam Giang        | CTS-P-0803            | 51,00                 | Mua                                  | 19               | 8                 | 2025            | 0803/2025/HĐMB-CTS-P | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Nguyễn Sỹ Chuẩn        | 125436406        | 027093007901 | 12        | 11         | 1993     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 29 | Phạm Thị Vinh          | 013335390        | 034160012134 | 4         | 4          | 1960     | 0969.336.929                   | Huyện Thanh Trì       | Xã Tân Triều        | CTS-P-0807            | 69,90                 | Mua                                  | 12               | 8                 | 2025            | 0807/2025/HĐMB-CTS-P | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Đoàn Ngọc Khanh        | 013335391        | 034058004453 | 24        | 12         | 1958     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 30 | Trương Thị Thu Hiền    | 091652109        | 019192011329 | 9         | 10         | 1992     | 0358.296.232                   | Huyện Phú Bình        | Thị trấn Hương Sơn  | CTS-P-0902            | 69,40                 | Mua                                  | 27               | 8                 | 2025            | 0902/2025/HĐMB-CTS-P | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Dương Anh Khang        | 091559778        | 019089001435 | 21        | 8          | 1989     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 31 | Hoàng Văn Vương        | 091075530        | 019087009271 | 7         | 6          | 1987     | 0345.341.413                   | Thành phố Thái Nguyên | Phường Tích Lương   | CTS-Q-0206            | 69,00                 | Mua                                  | 12               | 8                 | 2025            | 0206/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Từ Thị Hạnh            | 091688510        | 019191011465 | 25        | 6          | 1991     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cần nghèo tại khu vực đô thị                              |              |                                 |
| 32 | Cao Trinh Huân         | 113225754        | 017175012947 | 3         | 9          | 1975     | 0983.749.363                   | Huyện Tân Lạc         | Xã Ngọc Mỹ          | CTS-Q-0301            | 68,50                 | Mua                                  | 13               | 8                 | 2025            | 0301/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
| 33 | Trần Thị Bích Ngọc     | 013455874        | 024188004445 | 24        | 3          | 1988     | 0339.679.366                   | Quận Bắc Từ Liêm      | Phường Đồng Ngạc    | CTS-Q-0303            | 51,00                 | Mua                                  | 19               | 8                 | 2025            | 0303/2025/HĐMB-CTS-S | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và cán bộ, công chức, viên chức | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Nguyễn Văn Tuấn        | 171686936        | 038080013417 | 1         | 9          | 1982     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 34 | Đặng Thị Đại           | 125895380        | 027300000350 | 2         | 9          | 2000     | 0365.317.637                   | Huyện Gia Bình        | Thị trấn Nhân Thắng | CTS-Q-0407            | 69,90                 | Mua                                  | 21               | 8                 | 2025            | 0407/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 35 | Là Thị Phương Thảo     | 012042613        | 001182025766 | 7         | 10         | 1982     | 0916.760.080                   | Quận Hai Bà Trưng     | Phường Phố Huế      | CTS-Q-0408            | 69,90                 | Mua                                  | 28               | 8                 | 2025            | 0408/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 36 | Ngô Thị Văn Khánh      | 112247049        | 001188008246 | 2         | 9          | 1988     |                                |                       |                     |                       |                       |                                      |                  |                   |                 |                      |               | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 06/SXD-N&BDS | 03/07/2025                      |

| TT | Họ và Tên            | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                    | Thông tin căn hộ    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                           |              |                                 |
|----|----------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
|    |                      | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố   | Thị trấn/xã         | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                          | Số hợp đồng  | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 36 | Nguyễn Ngọc Cường    | 111621748        | 001082030781 | 23        | 4          | 1982     | 0922.165.200                   | Quận Hoàn Kiếm     | Phường Trường Chinh | CT-S-0001             | 69,90                 | Mua                                   | 21               | 8                 | 2025            | 0001/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.172.039.000 | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 37 | Bùi Văn Ninh         | 163274872        | 036093003400 | 27        | 6          | 1993     | 0385.504.135                   | Thành phố Bắc Ninh | Phường Văn Dương    | CTS-Q-0604            | 69,40                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 0604/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Lê Thị Thảo          | 187536539        | 040195018733 | 10        | 8          | 1995     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 38 | Nguyễn Thị Thuý      | 145112996        | 033182017233 | 29        | 7          | 1982     | 0979.807.083                   | Quận Hà Đông       | Phường Yên Nghĩa    | CTS-Q-0704            | 69,40                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0704/2025/HĐMB-CTS-Q | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Trần Thanh Tùng      | 121384581        | 024081001680 | 2         | 9          | 1981     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 39 | Nguyễn Văn Khai      | 712857121        | 038085048011 | 25        | 10         | 1985     | 0867.436.368                   | Thành phố Sơn Sơn  | Xã Đại Hùng         | CTS-R-0202            | 69,40                 | Mua                                   | 12               | 8                 | 2025            | 0202/2025/HĐMB-CTS-R | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
| 40 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 113497647        | 017191000006 | 29        | 6          | 1991     | 0988.390.530                   | Quận Bắc Từ Liêm   | Phường Thụy Phương  | CTS-R-0206            | 69,00                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0206/2025/HĐMB-CTS-R | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Vũ Thế Đạt           | 012434025        | 001087005247 | 4         | 6          | 1987     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 41 | Nguyễn Thị Luyến     | 125857390        | 027300008230 | 9         | 4          | 2000     | 0388.058.692                   | Huyện Yên Phong    | Xã Thụy Hòa         | CTS-R-0210            | 69,90                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0210/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 42 | Nguyễn Thị Duyên     | 125654593        | 027197006281 | 8         | 5          | 1997     | 0329.191.220                   | Huyện Yên Phong    | Xã Văn Môn          | CTS-R-0303            | 51,00                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0303/2025/HĐMB-CTS-R | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Trương Quang Tùng    | 125451695        | 027093009416 | 31        | 3          | 1993     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 43 | Lê Thị Bích Thảo     | 111290811        | 001177026905 | 1         | 1          | 1977     | 0845668386                     | Huyện Thường Tín   | Xã Hà Hồi           | CTS-R-0309            | 69,90                 | Mua                                   | 21               | 8                 | 2025            | 0309/2025/HĐMB-CTS-R | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 44 | Nguyễn Văn Tiến      | 001098008995     | 001098008995 | 8         | 9          | 1998     | 0327.613.325                   | Quận Bắc Từ Liêm   | Phường Minh Khai    | CTS-R-0311            | 69,00                 | Mua                                   | 23               | 8                 | 2025            | 0311/2025/HĐMB-CTS-R | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 45 | Vũ Thị Nguyễn        | 164389039        | 037191004891 | 18        | 1          | 1991     | 0349.712.751                   | Huyện Yên Khánh    | Xã Khánh Hội        | CTS-R-0402            | 69,40                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0402/2025/HĐMB-CTS-R | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Nguyễn Văn Công      | 164389079        | 037091002933 | 28        | 9          | 1991     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 46 | Lê Thị Tuyền         | 135220224        | 026172006724 | 27        | 7          | 1972     | 0976.956.219                   | Huyện Vĩnh Tường   | Xã Thượng Trưng     | CTS-R-0404            | 69,40                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0404/2025/HĐMB-CTS-R | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Lê Văn Thuận         | 135748606        | 026071001938 | 23        | 8          | 1971     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |
| 47 | Nguyễn Tiến Niên     | 186284849        | 040086026593 | 9         | 4          | 1986     | 0962.111.030                   | Quận Hoàng Mai     | Phường Thịnh Liệt   | CTS-R-0408            | 69,90                 | Mua                                   | 4                | 8                 | 2025            | 0408/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
|    | Bùi Thị Thủy         | 151946175        | 034190021334 | 6         | 11         | 1990     |                                |                    |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |              |                                 |

| TT | Họ và Tên          | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                       | Thông tin căn hộ  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                                                              | Ngày phê duyệt                                                                                                                                              |                |                                 |
|----|--------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                    | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố      | Thị trấn/xã       | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                                                          |                                                                                                                                                             | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 48 | Nguyễn Anh Tuấn    | 090895160        | 019082006946 | 1         | 10         | 1982     | 0986.361.082                   | Quận Đống Đa          | Phường Khâm Thiên | CTS-R-0410            | 69,90                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0410/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Hải Yến     | 012263262        | 001184053028 | 30        | 6          | 1984     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 49 | Thần Quang Trung   | 125999188        | 027205001274 | 19        | 1          | 2005     | 0904.755.779                   | Thành phố Bắc Ninh    | Phường Thị Cầu    | CTS-R-0606            | 69,00                 | Mua                                   | 7                | 8                 | 2025            | 0606/2025/HĐMB-CTS-R | 1.180.088.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 50 | Giáp Thị Hiền      | 125898269        | 024178000924 | 8         | 8          | 1978     | 0385.284.311                   | Thành phố Bắc Ninh    | Phường Đáp Cầu    | CTS-R-0703            | 51,00                 | Mua                                   | 20               | 8                 | 2025            | 0703/2025/HĐMB-CTS-R | 855.137.000   | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
| 51 | Nguyễn Cao Cường   | 011949573        | 001079022651 | 29        | 11         | 1979     | 0904.059.191                   | Quận Long Biên        | Phường Ngọc Thụy  | CTS-R-0709            | 69,90                 | Mua                                   | 2                | 8                 | 2025            | 0709/2025/HĐMB-CTS-R | 1.172.039.000 | Chủ hộ                                           | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, tư sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân nhân | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Nguyễn Thu Hiền    | 012143894        | 001180017042 | 5         | 9          | 1980     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 52 | Phạm Hồng Thái     | 002202000038     | 002202000038 | 10        | 4          | 2002     | 0372.039.56509<br>83.879.401   | Huyện Ninh Giang      | Xã An Dục         | CTS-R-0805            | 68,50                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0805/2025/HĐMB-CTS-R | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
| 53 | Nguyễn Văn Thống   | 187601751        | 040097020467 | 22        | 1          | 1997     | 0333.214.135                   | Thành phố Bắc Ninh    | Phường Nam Sơn    | CTS-R-0902            | 69,40                 | Mua                                   | 26               | 8                 | 2025            | 0902/2025/HĐMB-CTS-R | #N/A          | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
| 54 | Nguyễn Xuân Anh    | 151867883        | 034089009935 | 10        | 5          | 1989     | 0398.199.694                   | Huyện Đông Hưng       | Xã Nguyễn Xá      | CTS-S-0314            | 69,90                 | Mua                                   | 27               | 8                 | 2025            | 0314/2025/HĐMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Lê Thị Duyên       | 151980128        | 034194017126 | 6         | 5          | 1994     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 55 | Vương Thị Thủy Nga | 012434268        | 001187011012 | 22        | 4          | 1987     | 0978.171.633                   | Quận Bắc Từ Liêm      | Phường Cổ Nhuế 1  | CTS-S-0315            | 69,90                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0315/2025/HĐMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, tư sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân nhân | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Ngô Hùng Sơn       | 012660936        | 001086030377 | 12        | 9          | 1986     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người làm việc trong quân nhân chuyên nghiệp, công an, quân đội nhân dân | Sĩ quan, tư sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân nhân |                |                                 |
| 56 | Cao Văn Nam        | 112126869        | 001086039292 | 6         | 5          | 1986     | 0963.621.336                   | Huyện Ứng Hòa         | Xã Trường Thịnh   | CTS-S-0401            | 69,50                 | Mua                                   | 13               | 8                 | 2025            | 0401/2025/HĐMB-CTS-S | 1.189.115.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Nguyễn Thị Huệ     | 017524291        | 001196040365 | 19        | 7          | 1996     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 57 | Nguyễn Hữu Tiến    | 145301133        | 033088007086 | 10        | 12         | 1988     | 0327.260.004                   | Huyện Tiên Lữ         | Xã Trung Dũng     | CTS-S-0416            | 69,90                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0416/2025/HĐMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Thị Huyền   | 121875898        | 024189021445 | 17        | 8          | 1989     |                                |                       |                   |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 58 | Vũ Thành Trung     | 168164016        | 03108667077  | 9         | 1          | 1986     | 0982.317.489                   | Thành phố Thái Nguyên | Xã Bạch Đằng      | CTS-S-0417            | 71,60                 | Mua                                   | 14               | 8                 | 2025            | 0417/2025/HĐMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Trần Thủy Dương    | 011871974        | 001177020478 | 9         | 6          | 1977     |                                | Quận Hoàng Mai        | Phường Vĩnh Hưng  |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            |                |                                 |
| 59 | Hoàng Thị Hương    | 013451594        | 027188000658 | 4         | 9          | 1988     | 0972.945.311                   | Quận Nam Từ Liêm      | Phường Tây Mỗ     | CTS-S-0609            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 8                 | 2025            | 0609/2025/HĐMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp                                 | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp                                                                            | 57/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |

| TT | Họ và Tên            | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                  | Thông tin căn hộ    |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                   |              |                                 |
|----|----------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
|    |                      | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố | Thị trấn/xã         | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                  | Số hợp đồng  | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 60 | Lê Minh Hiếu         | 125780456        | 027097007090 | 21        | 9          | 1997     | 0328.833.168                   | Huyện Lương Tài  | Thị trấn Thôn       | CTS-S-0610            | 69,90                 | Mua                                   | 21               | 8                 | 2025            | 0610/2025/HDMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 61 | Trần Thu Hằng        | 001303025869     | 001303025869 | 20        | 11         | 2003     | 0362.113.498                   | Quận Long Biên   | Phường Long Biên    | CTS-S-0616            | 69,90                 | Mua                                   | 1                | 8                 | 2025            | 0616/2025/HDMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |
| 62 | Hà Hải Diệp          | 184436972        | 042301000947 | 10        | 6          | 2001     | 0934.529.709                   | Huyện Nghi Xuân  | Xã Xuân Thành       | CTS-S-0617            | 71,60                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0617/2025/HDMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 63 | Nguyễn Thị Thanh     | 112036692        | 001186046521 | 6         | 6          | 1986     | 0982.026.833                   | Quận Thanh Xuân  | Phường Khương Trung | CTS-S-0707            | 69,50                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0707/2025/HDMB-CTS-S | 1.189.115.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Đào Đức Hoàng        | 012196919        | 001084033055 | 10        | 5          | 1984     |                                |                  |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 64 | Nguyễn Đức Việt      | 125443407        | 027093009144 | 2         | 10         | 1993     | 0989.609.095                   | Huyện Yên Phong  | Xã Đông Tiến        | CTS-S-0717            | 71,60                 | Mua                                   | 22               | 8                 | 2025            | 0717/2025/HDMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Chu Thị Hiền         | 125550421        | 027195002276 | 4         | 10         | 1995     |                                |                  |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 65 | Nguyễn Thị Ngọc Yến  | 125817241        | 027199001723 | 8         | 8          | 1999     | 0968.368.630                   | Huyện Thanh Trì  | Xã Vạn Phúc         | CTS-S-0808            | 71,60                 | Mua                                   | 22               | 8                 | 2025            | 0808/2025/HDMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
|    | Chữ Mạnh Trường      | 013686460        | 001200032145 | 10        | 3          | 2000     |                                |                  |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 66 | Nguyễn Thị Thắng     | 132435565        | 025167005673 | 8         | 6          | 1967     | 035402089                      | Huyện Thanh Thủy | Xã Tân Phương       | CTS-S-0812            | 70,00                 | Mua                                   | 21               | 8                 | 2025            | 0812/2025/HDMB-CTS-S | 1.221.623.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 67 | Ngô Bích Thủy        | 012209997        | 001184001218 | 16        | 6          | 1984     | 0904.751.136                   | Quận Đống Đa     | Phường Kim Liên     | CTS-S-0816            | 69,90                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 0816/2025/HDMB-CTS-S | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 68 | Lê Minh Tuấn         | 025790118        | 079099000712 | 12        | 5          | 1999     | 0833.180.033                   | Quận 10          | Phường 4            | CTS-S-0917            | 71,60                 | Mua                                   | 23               | 8                 | 2025            | 0917/2025/HDMB-CTS-S | 1.249.546.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Ta Giảng Hương       | 164603444        | 037197007192 | 13        | 12         | 1997     |                                | Quận Cầu Giấy    | Phường Quan Hoa     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 69 | Đào Thị Diệu Anh     | 125805839        | 027198004951 | 11        | 12         | 1998     | 0966.381.996                   | Huyện Lương Tài  | Xã Lâm Thao         | CTS-T-0206            | 69,00                 | Mua                                   | 21               | 8                 | 2025            | 0206/2025/HDMB-CTS-T | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 70 | Nguyễn Hoàng Anh     | 033204000348     | 033204000348 | 13        | 9          | 2004     | 0366.593.130                   | Huyện Kim Động   | Xã Phạm Ngũ Lão     | CTS-T-0502            | 69,40                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0502/2025/HDMB-CTS-T | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 322/SXD-QLN  | 22/7/2025                       |
| 71 | Phạm Đình Sỹ         | 125463404        | 027092010376 | 22        | 8          | 1992     | 0986.474.230/0947617903        | Huyện Tiên Du    | Xã Đại Đồng         | CTS-T-0506            | 69,00                 | Mua                                   | 27               | 8                 | 2025            | 0506/2025/HDMB-CTS-T | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
|    | Nguyễn Thị Thu Trang | 125815758        | 027198004500 | 17        | 1          | 1998     |                                |                  |                     |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp |              |                                 |
| 72 | Nguyễn Thị Thương    | 187963914        | 040302011859 | 2         | 1          | 2002     | 0971900851                     | Huyện Đô Lương   | Xã Yên Sơn          | CTS-T-0601            | 68,50                 | Mua                                   | 23               | 8                 | 2025            | 0601/2025/HDMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN  | 06/08/2025                      |
| 73 | Đàm Thị Thịnh        | 125187924        | 027187004489 | 1         | 10         | 1987     | 0387.874.419/09                | Huyện Tiên Du    | Xã Trại Phấn        | CTS-T-0602            | 69,40                 | Mua                                   | 8                | 8                 | 2025            | 0602/2025/HDMB-CTS-T | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 52/SXD-N&BDS | 08/07/2025                      |

| TT | Họ và Tên          | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                | Thông tin căn hộ   |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                           |                |                                 |
|----|--------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
|    |                    | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố   | Thị trấn/xã           | (Tên căn hộ, tầng, số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                          | Số hợp đồng    | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
| 73 | Nguyễn Tấn Đức     | 125063126        | 027083004810 | 11        | 1          | 1983     | 85.885.672                     | Huyện Yên Thế      | Xã Trung Chính        | CTS-T-0605             | 68,50                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0605/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 74 | Phạm Văn Hiếu      | 125815639        | 027097008106 | 1         | 3          | 1997     | 0888.311.397                   | Huyện Lương Tài    | Xã Trung Chính        | CTS-T-0605             | 68,50                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0605/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Hoàng Thị Lệ Diễm  | 125782359        | 027197008487 | 18        | 11         | 1997     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức |                |                                 |
| 75 | Lê Xuân Hữu        | 012904098        | 001092002787 | 5         | 1          | 1992     | 0985.172.158                   | Quận Hoàng Mai     | Phường Mai Động       | CTS-T-0606             | 69,00                 | Mua                                   | 12               | 8                 | 2025            | 0606/2025/HĐMB-CTS-T | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 1870/SXD-N&BDS | 24/6/2025                       |
|    | Đào Ngọc Anh       | 012823401        | 001191015953 | 20        | 10         | 1991     |                                | Quận Long Biên     | Phường Ngọc Lâm       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 76 | Nguyễn Văn Ngọc    | 187063059        | 040091036290 | 16        | 1          | 1991     | 0384.641.311                   | Huyện Đô Lương     | Xã Trảng Sơn          | CTS-T-0701             | 68,50                 | Mua                                   | 27               | 8                 | 2025            | 0701/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Trần Thị Hằng      | 187159828        | 040192010763 | 30        | 11         | 1992     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 77 | Trần Văn Giang     | 168396742        | 035091000646 | 16        | 2          | 1991     | 0971.129.815                   | Huyện Thanh Liêm   | Xã Thanh Thủy         | CTS-T-0702             | 69,40                 | Mua                                   | 19               | 8                 | 2025            | 0702/2025/HĐMB-CTS-T | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
|    | Nguyễn Thị Hoa     | 152967841        | 034194000258 | 20        | 6          | 1994     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Lao động tự do                           | Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị                              |                |                                 |
| 78 | Lương Thị Nga      | 186031324        | 040186000282 | 2         | 1          | 1986     | 0943.257.847                   | Huyện Gia Lâm      | Xã Cổ Bi              | CTS-T-0704             | 69,40                 | Mua                                   | 20               | 8                 | 2025            | 0704/2025/HĐMB-CTS-T | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Cán bộ, công chức, viên chức             | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
|    | Lê Hồ Bắc          | 183226093        | 042083000108 | 23        | 1          | 1983     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 79 | Nguyễn Thị Hải Vân | 063213983        | 010188005699 | 20        | 4          | 1988     | 0978.072.623                   | Quận Hà Đông       | Phường Quang Trung    | CTS-T-0804             | 69,40                 | Mua                                   | 1                | 8                 | 2025            | 0804/2025/HĐMB-CTS-T | 1.163.656.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 52/SXD-N&BDS   | 08/07/2025                      |
|    | Nguyễn Hữu Đạt     | 125258824        | 027087004773 | 20        | 11         | 1987     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 80 | Phạm Thị Kim Thảo  | 161807286        | 037171004255 | 24        | 5          | 1971     | 0886.077.682                   | Thành phố Tam Điệp | Phường Bắc Sơn        | CTS-T-0901             | 68,50                 | Mua                                   | 23               | 8                 | 2025            | 0901/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.446.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 322/SXD-QLN    | 22/7/2025                       |
|    | Lê Văn Tiến        | 164148836        | 037068000257 | 10        | 8          | 1968     |                                |                    |                       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 81 | Lê Minh Đại        | 012163360        | 001082055858 | 31        | 7          | 1982     | 0945.696.933                   | Quận Hoàn Kiếm     | Phường Phan Chu Trinh | CTS-T-0902             | 69,40                 | Mua                                   | 30               | 8                 | 2025            | 0902/2025/HĐMB-CTS-T | 1.187.404.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
|    | Dương Minh Trang   | 012363907        | 001186008050 | 8         | 10         | 1986     |                                | Quận Đống Đa       | Phường Kim Liên       |                        |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         |                |                                 |
| 82 | Hoàng Thị Hội      | 121202401        | 024177003430 | 19        | 6          | 1977     | 0387.165.822                   | Huyện Yên Thế      | Xã Đông Vương         | CTS-T-0907             | 69,90                 | Mua                                   | 26               | 8                 | 2025            | 0907/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |
| 83 | Nguyễn Ngọc Thiêm  | 151798320        | 034090012167 | 19        | 9          | 1990     | 0349.698.004                   | Huyện Quỳnh Lưu    | Xã Quỳnh Hòa          | CTS-T-0910             | 69,90                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0910/2025/HĐMB-CTS-T | 1.195.959.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp         | 734/SXD-QLN    | 06/08/2025                      |

| TT | Họ và Tên              | Thông tin cư dân |              |           |            |          |                                |                  | Thông tin căn hộ      |                       |                       |                                       |                  |                   |                 | Quan hệ với chủ hộ   | Nghề nghiệp   | Đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội (*) | Mã công văn                              | Ngày phê duyệt                                                                   |             |                                 |
|----|------------------------|------------------|--------------|-----------|------------|----------|--------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|
|    |                        | Số CMND          | Số CCCD      | Ngày sinh | Tháng sinh | Năm sinh | Số điện thoại di động liên lạc | Huyện/ Thành phố | Thị trấn/xã           | (Tên căn hộ, tầng số) | Diện tích căn hộ (M2) | Hình thức đăng ký (Mua/Thuê/Thuê mua) | Ngày ký hợp đồng | Tháng ký hợp đồng | Năm ký hợp đồng |                      |               |                                                  |                                          |                                                                                  | Số hợp đồng | Tổng số giá trị hợp đồng (đồng) |
|    | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 122171710        | 024194015844 | 2         | 8          | 1994     | 0879.364.444                   | Quận Thanh Xuân  | Phường Thanh Xuân Bắc |                       |                       |                                       |                  |                   |                 |                      |               | Vợ (Chồng)                                       | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN | 06/08/2025                      |
| 84 | Phạm Minh Hải          | 012720102        | 030083005425 | 15        | 6          | 1983     | 0879.364.444                   | Quận Thanh Xuân  | Phường Thanh Xuân Bắc | CTS-T-0911            | 69.00                 | Mua                                   | 28               | 8                 | 2025            | 0911/2025/HĐMB-CTS-T | 1.204.172.000 | Chủ hộ                                           | Người lao động làm việc tại doanh nghiệp | Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp | 734/SXD-QLN | 06/08/2025                      |

